

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|---|---------------------------------|
| 1. Về phạm vi cung cấp chủ yếu | | |
| Chủng loại, số lượng cung cấp | Chủng loại, số lượng các mặt hàng cung cấp đầy đủ theo yêu cầu của E-HSMT | Đạt |
| | Không đủ chủng loại, số lượng theo yêu cầu của E-HSMT | Không đạt |
| 2. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa | | |
| 2.1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa. Nhà thầu phải kê khai đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ, nhà sản xuất, ký mã hiệu/model (nếu có) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất theo mẫu quy định tại Mục 2, Chương V, E-HSMT. | - Nhà thầu kê khai đầy đủ thông tin cho các chủng loại hàng hóa đáp ứng hoặc đáp ứng tốt hơn theo yêu cầu trong E-HSMT. - Có Catalogue hoặc tài liệu mô tả về đặc tính, thông số kỹ thuật, tờ thông tin của hàng hóa và hình ảnh màu của hàng hóa dự thầu gửi kèm theo E-HSDT. Catalogue, tài liệu kỹ thuật được sử dụng bằng Tiếng Việt. Trường hợp các tài liệu này bằng tiếng nước ngoài khác thì phải đính kèm bản dịch tiếng Việt và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung bản dịch. Bản dịch tiếng Việt có thể dịch toàn bộ tài liệu hoặc tóm tắt nội dung nhưng phải chứng minh được hàng hoá đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Chương V của E-HSMT. | Đạt |
| | - Nhà thầu không kê khai hoặc kê khai không đầy đủ thông tin cho các chủng loại hàng hóa hoặc có kê khai nhưng không đáp ứng theo yêu cầu trong E-HSMT. - Không có Catalogue hoặc tài liệu mô tả về đặc tính, thông số kỹ thuật, tờ thông tin và hình ảnh màu của hàng hóa dự thầu gửi kèm theo E-HSDT. Catalogue, tài liệu kỹ thuật được sử dụng bằng Tiếng Việt. Trường hợp các tài liệu này bằng tiếng nước ngoài khác thì phải đính kèm bản dịch tiếng Việt và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung bản dịch. Bản dịch tiếng Việt có thể dịch toàn bộ tài liệu hoặc tóm tắt nội dung nhưng phải chứng minh được hàng hoá đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Chương V của E-HSMT. | Không đạt |
| 2.2. Tính hợp lệ của hàng hóa chào thầu: Nhà thầu có văn bản cam kết, bao gồm đầy đủ các nội dung sau: - Cam kết có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu | Nhà thầu có văn bản cam kết với đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của E- HSMT | Đạt |
| | Nhà thầu không có văn bản cam kết hoặc có văn bản cam kết nhưng không nêu đầy đủ các nội dung hoặc có ≥ 01 nội dung cam kết không đáp ứng theo yêu cầu. | Không đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|--|---------------------------------|
| <p>chuẩn sản xuất hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu tại Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật thuộc Chương V của E-HSMT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết tất cả hàng hóa cung cấp mới 100%; sản xuất từ năm 2025 trở lại đây. Chưa qua sử dụng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. - Cam kết đối với hàng hóa nhập khẩu: nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá (như chứng nhận CO hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương), chứng nhận chất lượng hàng hóa (như chứng nhận CQ hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương), hóa đơn tài chính theo quy định khi giao hàng. - Cam kết đối với hàng hóa trong nước, phải có: phiếu xuất hàng hóa, chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất. - Cam kết bố trí đủ nhân lực có đầy đủ chuyên môn theo quy định của pháp luật để thực hiện gói thầu. Trực tiếp đào tạo hướng dẫn vận hành sử dụng tại nơi giao hàng, trực tiếp đào tạo hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng tại nơi giao hàng. | | |
| 3. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa. | | |
| <p>Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Có biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa phù hợp. Thuyết minh giải pháp kỹ thuật, biện pháp cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ cung cấp và yêu cầu của gói thầu (Trong đó cần nêu rõ hàng hóa Nhà thầu đã có sẵn hay chưa, nếu chưa có sẵn trong kho thì thời gian sản xuất hoặc nhập hàng và bàn giao cho Chủ đầu tư chi tiết, cụ thể ra sao, ...). - Nhà thầu phải có đủ tài liệu để chứng minh được tính khả thi và đảm bảo tuân thủ Pháp lý về hàng hóa cung cấp cho gói thầu này có nguồn gốc từ đâu (mua trực tiếp từ nhà sản | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|--|
| | xuất hay qua trung gian hay tự sản xuất được hàng hóa?). Trường hợp hàng hóa có sẵn, yêu cầu cung cấp tài liệu kỹ thuật về hàng hóa kèm các giấy tờ kiểm tra, thử nghiệm đạt các yêu cầu tại chương V, E-HSMT; Trường hợp hàng hóa chưa sản xuất yêu cầu cung cấp tài liệu chứng minh khả năng sản xuất, nguồn gốc nguyên vật liệu... đáp ứng yêu cầu tại chương V, E-HSMT; | |
| | Không có đầy đủ các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hoặc có nhưng không hợp lý, Hoặc: Nhà thầu không đủ tài liệu để chứng minh được tính khả thi và đảm bảo tuân thủ Pháp lý về hàng hóa cung cấp cho gói thầu này có nguồn gốc từ đâu. | Không đạt |
| 4. Tiến độ cung cấp hàng hóa | | |
| Tiến độ bàn giao sản phẩm | Đề xuất thời gian thực hiện không vượt quá 15 ngày (bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ) | Đạt |
| | Đề xuất thời gian thực hiện vượt quá 15 ngày (bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ) | Không đạt |
| 5. Bảo hành, sửa chữa hư hỏng | | |
| 5.1 Thời gian bảo hành, sửa chữa hư hỏng cho toàn bộ hàng hoá kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng (Nhà thầu cung cấp bằng cam kết). | - Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng và trong thời gian bảo hành, nếu sản phẩm hư hỏng, khuyết tật sẽ khắc phục, sửa chữa, thay thế trong vòng ≤ 48 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. - Có cam kết có nhân sự phối hợp làm việc trao đổi trực tiếp xử lý các yêu cầu phát sinh trong quá trình sử dụng không quá 08 giờ kể từ thời gian nhận được yêu cầu hỗ trợ của Chủ đầu tư. | Đạt |
| | - Thời gian bảo hành < 12 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng và trong thời gian bảo hành, nếu sản phẩm hư hỏng, khuyết tật sẽ khắc phục, sửa chữa, thay thế trong vòng > 48 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư. - Không có cam kết hoặc cam kết có nhân sự phối hợp làm việc trao đổi trực tiếp xử lý các yêu cầu phát sinh trong quá trình sử dụng > 08 giờ kể từ thời gian nhận được yêu cầu hỗ trợ của chủ đầu tư. | Không đạt |
| 5.2 Thu hồi hàng hóa (Nhà thầu cung cấp bản cam kết về thu hồi sản phẩm). | - Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|--|
| | <p>quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.</p> <p>- Cam kết cung cấp lại toàn bộ các sản phẩm để thay thế các sản phẩm bị thu hồi đáp ứng yêu cầu chất lượng.</p> | |
| | <p>- Không cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư hoặc</p> <p>- Không cam kết cung cấp lại toàn bộ các sản phẩm để thay thế các sản phẩm bị thu hồi đáp ứng yêu cầu chất lượng</p> | Không đạt |
| 6. Các yêu cầu khác | | |
| Đáp ứng đầy đủ tất cả các yêu cầu tại mục 1, 2 và 3 Chương V- Yêu cầu kỹ thuật. | Đáp ứng đầy đủ mục 1, 2 và 3 Chương V- Yêu cầu kỹ thuật. | Đạt |
| | Không đáp ứng một trong các yêu cầu tại mục 1, 2 và 3 Chương V- Yêu cầu kỹ thuật. | Không đạt |
| Kết luận | Đạt tất cả các nội dung trên | Đạt |
| | Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên | Không đạt |